

UBND TỈNH QUẢNG BÌNH
VĂN PHÒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1881 /VPUBND-NC
V/v báo cáo kết quả thực hiện
Nghị quyết số 18-NQ/TW và
Nghị quyết số 19-NQ/TW của
Hội nghị Trung ương 6 Khóa XII

Quảng Bình, ngày 31 tháng 5 năm 2018

SỞ NỘI VỤ QUẢNG BÌNH

Số:
ĐẾN Ngày: 31/5/18
Chuyên: TPTCAC - CNP
Lưu hồ sơ số: 01

Kính gửi:

- Các sở, ban, ngành, cơ quan, đơn vị cấp tỉnh;
- Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã.

Thực hiện Công văn số 1502/BNV-TCBC ngày 11/4/2018 của Bộ Nội vụ về việc báo cáo định kỳ kết quả thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị Trung ương 6 khóa XII "Một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả", đồng chí Nguyễn Xuân Quang, Phó Chủ tịch Thường trực Ủy ban nhân dân tỉnh có ý kiến chỉ đạo:

1. Yêu cầu các sở, ban, ngành, cơ quan, đơn vị, địa phương định kỳ 6 tháng, năm báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh kết quả thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị Trung ương 6 khóa XII, Nghị quyết số 10/NQ-CP ngày 03/02/2018 của Chính phủ, Kế hoạch số 55-KH/TU ngày 08/02/2018 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Quảng Bình và Công văn số 434/UBND-NC ngày 30/3/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh về tổ chức thực hiện Kế hoạch số 55-KH/TU của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về "Một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả"; Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị Trung ương 6 khóa XII, Nghị quyết số 08/NQ-CP ngày 24/01/2018 của Chính phủ, Chương trình hành động số 21-CTr/TU ngày 30/3/2018 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Đề án sắp xếp, kiện toàn, nâng cao hiệu quả hoạt động các đơn vị sự nghiệp của tỉnh Quảng Bình giai đoạn 2017 - 2020 và các văn bản pháp luật khác có liên quan để tổng hợp báo cáo Chính phủ theo đúng quy định. Báo cáo gửi về UBND tỉnh (qua Sở Nội vụ trước ngày 15/5 và 15/11 hằng năm).

Báo cáo thống kê đầy đủ, rõ ràng và đánh giá đúng những kết quả đã làm được, chưa làm được so với tiến độ đề ra về từng nhiệm vụ; những hạn chế, vướng mắc, nguyên nhân, bài học kinh nghiệm, nhiệm vụ thời gian tới; những đề xuất kiến nghị với Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Quốc hội, Chính phủ và với tỉnh (*có phụ lục số Ib và Iib kèm theo và được đăng tải trên website của Sở Nội vụ: www.snv.quangbinh.gov.vn Mục Thông tin chung/Tổ chức biên chế và tổ chức phi Chính phủ*).

Các sở, ban, ngành, cơ quan, đơn vị, địa phương tổ chức báo cáo bằng văn bản, đồng thời gửi file văn bản vào hộp thư: trangpt.snv@quangbinh.gov.vn

ky

2. Giao Sở Nội vụ đôn đốc, tổng hợp, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Chính phủ (qua Bộ Nội vụ) định kỳ 6 tháng, năm theo đúng yêu cầu tại Công văn số 1502/BNV-TCBC ngày 11/4/2018 của Bộ Nội vụ.

Văn phòng UBND tỉnh thông báo để các sở, ban, ngành, cơ quan, đơn vị, địa phương Sở Nội vụ biết, thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Ban Tổ chức Tỉnh ủy;
- LĐVP UBND tỉnh;
- Lưu Văn thư, NC, TDNV.

CHÁNH VĂN PHÒNG

Nguyễn Trần Quang

SỞ, BAN, NGÀNH, CƠ QUAN, ĐƠN VỊ, ĐỊA PHƯƠNG.....

PHỤ LỤC IB

BIÊN CHẾ CÔNG CHỨC, HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG THEO NGHỊ ĐỊNH SỐ 68/2000/NĐ-CP (HỢP ĐỒNG 68), HỢP ĐỒNG LÀM CHUYÊN MÔN, NGHIỆP VỤ VÀ DỰ KIẾN SẮP XẾP, TỖ CHỨC LẠI CÁC CƠ QUAN, TỖ CHỨC HÀNH CHÍNH

(kèm theo Công văn số 1880 /UBND-NC ngày 31/5/2018)

STT	Tên gọi tổ chức	Số giao năm 201...			Có mặt 31/12/201...			Số giao 201...			Có mặt tại thời điểm 30/4 (hoặc 31/10) năm 201...					Dự kiến sắp xếp, tổ chức lại				
		Tổng số	Biên chế công chức	Hợp đồng 68	Tổng số	Công chức	Hợp đồng 68	HD làm chuyên môn, nghiệp vụ	Tổng số	Biên chế công chức	Hợp đồng 68	Tổng số	Cấp trưởng	Số cấp phó	Công chức	Hợp đồng 68	HD làm chuyên môn, nghiệp vụ	Giữ nguyên	Sắp nhập, hợp nhất	Giải thể
A	B	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)
I	Cấp tỉnh																			
1.	Lãnh đạo UBND tỉnh																			
2.	Lãnh đạo UBND tỉnh																			
3.	Các cơ quan cấp tỉnh																			
3.1.	Văn phòng UBND tỉnh																			
a	Lãnh đạo																			
b	Phòng ...																			
3.2.	Văn Phòng UBND tỉnh																			
a	Lãnh đạo																			
b	Phòng																			
3.3.	Văn phòng Đoàn ĐBQH																			
a	Lãnh đạo																			
b	Phòng																			

STT	Tên gọi tổ chức	Số giao năm 201...			Có mặt 31/12/201...			Số giao 201...		Có mặt tại thời điểm 30/4 (hoặc 31/10) năm 201...					Dự kiến sắp xếp, tổ chức lại					
		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó				Cũ nguyên	Sắp nhập, hợp nhất	Giải thể		
		(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)
A	B																			
																			
3.4	Sở																			
a	Lãnh đạo																			
b	Phòng																			
...	Ban....																			
	Lãnh đạo																			
	Phòng																			
																			
3.5	Sở																			
a	Lãnh đạo																			
b	Phòng																			
...	Ban....																			
	Lãnh đạo																			
	Phòng																			
																			
...	Các tổ chức hành chính khác																			
	Lãnh đạo																			

STT	Tên gọi tổ chức	Số giao năm 201...			Có mặt 31/12/201...			Số giao 201...			Có mặt tại thời điểm 30/4 (hoặc 31/10) năm 201...						Dự kiến sắp xếp, tổ chức lại			
		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Cấp trưởng	Số cấp phó	Công chức	Hợp đồng 68	HD làm chuyên môn, nghiệp vụ	Giữ nguyên	Sáp nhập, hợp nhất	Giải thể	
A	B	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)
	Phòng....																			
...	...																			
II	Cấp huyện																			
I	Huyện...																			
1.1.	Lãnh đạo UBND, HDND																			
1.2.	Văn phòng																			
1.3.	Phòng....																			
																			
2	Huyện....																			
2.1.	Lãnh đạo UBND, HDND																			
2.2.	Văn phòng																			
2.3.	Phòng....																			
																			
...	Tổ chức hành chính khác																			
																			

Ghi chú:

- Từ cột 1 đến cột 16 ghi số người. Từ cột 17 đến cột 19 đánh dấu (x), đồng thời làm rõ trong báo cáo về việc dự kiến hợp nhất, sáp nhập, giải thể các tổ chức này.
- Từ cột 8 đến cột 16: số liệu của năm báo cáo; từ cột 1 đến cột 7: số liệu của năm trước liền kề (ví dụ từ cột 7 đến cột 16: năm 2018 thì từ cột 1 đến cột 6: năm 2017)/.
- Trước mắt báo cáo số liệu năm 2017 (từ cột 1 đến cột 6) và năm 2018 (từ cột 7 đến cột 16)

(Handwritten signature)

SỞ, BAN, NGÀNH, CƠ QUAN, ĐƠN VỊ, ĐỊA PHƯƠNG.....

PHỤ LỤC II

SỐ LƯỢNG NGƯỜI LÀM VIỆC (BIÊN CHẾ SỰ NGHIỆP), HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG THEO NGHỊ ĐỊNH SỐ 68/2000/NĐ-CP (HỢP ĐỒNG 68), HỢP ĐỒNG LÀM CHUYÊN MÔN, NGHIỆP VỤ VÀ DỰ KIẾN SÁP XẾP, TỔ CHỨC LẠI CÁC ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP

(kèm theo Công văn số 188/UBND-NC ngày 4/15/2018)

STT	Tên đơn vị sự nghiệp	Số giao năm 201...			Có mặt 31/12/201...			Được giao 201...			Có mặt đến thời điểm 30/4 (hoặc 31/10) năm 201...						Dự kiến sắp xếp, tổ chức lại								
		Tổng số	Trong đó	Hợp đồng 68	Tổng số	Trong đó	Hợp đồng 68	Tổng số	Trong đó	Biên chế sự nghiệp	Hợp đồng 68	Tổng số	Cấp trưởng	Số cấp phó	Viên chức	Hợp đồng 68	HD làm chuyên môn, nghiệp vụ	Mức độ tự chủ về tài chính năm 201...	Giữ nguyên	Sáp nhập, hợp nhất	Giai thể	Chuyển sang tự chủ chi DT, chi TX	Chuyển sang tự chủ chi thường xuyên	Chuyển sang tự chủ một phần chi TX	Do Ngân sách nhà nước bảo đảm
A	B	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)	(21)	(22)	(23)	(24)
	Tổng cộng																								
I	Sự nghiệp giáo dục và đào tạo																								
1	Trường đại học, học viện																								
1.1.	Trường.....																								
...																								
2	Trường cao đẳng																								
2.1.	Trường ...																								
...																								
3	Trường trung cấp																								
3.1.	Trường																								
...																								
4	Trung tâm																								
4.1.	Trung tâm																								
...																								

1

STT	Tên đơn vị sự nghiệp	Số giao năm 201...			Có mặt 31/12/201...			Được giao 201...			Có mặt đến thời điểm 30/4 (hoặc 31/10) năm 201...						Dự kiến sắp xếp, tổ chức lại								
		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó													
A	B	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)	(21)	(22)	(23)	(24)
5	Trường trung học phổ thông																								
5.1.	Trường																								
6	Trường trung học cơ sở																								
6.1.	Trường																								
7	Trường tiểu học																								
7.1.	Trường																								
8	Trường mầm non																								
8.1.	Trường																								
II	Sự nghiệp Y tế																								
I.	Bệnh viện																								
1.1.	Bệnh viện																								
2.	Trung tâm																								

STT	Tên đơn vị sự nghiệp	Số giao năm 201...		Có mặt 31/12/201...		Được giao 201...		Có mặt đến thời điểm 30/4 (hoặc 31/10) năm 201...					Dự kiến sắp xếp, tổ chức lại												
		Tổng số	Trong đó	Tổng số	Trong đó	Tổng số	Trong đó	Tổng số	Trong đó	Cấp trưởng	Số cấp phó	Viên chức	Hợp đồng 68	HD làm chuyên môn, nghiệp vụ	Giữ nguyên	Sáp nhập, hợp nhất	Giải thể	Chuyển sang tự chủ chi DT, chi TX	Chuyển sang tự chủ chi thường xuyên	Chuyển sang tự chủ một phần chi TX	Do Ngân sách nhà nước bảo đảm				
A	B	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)	(21)	(22)	(23)	(24)
III	Sự nghiệp khoa học																								
1.	Đơn vị ...																								
IV	Sự nghiệp VH, TT, TDTT																								
1.	Đơn vị ...																								
V	Sự nghiệp khác																								
.	Đơn vị ...																								
...	...																								

Ghi chú:

- Số lượng người làm việc (biên chế sự nghiệp hưởng lương từ ngân sách Nhà nước và nguồn tự đảm bảo của đơn vị).

- Cột 17 ghi cụ thể theo từng loại tự chủ: Chi đầu tư và chi thường xuyên; chi thường xuyên; tự chủ một phần chi thường xuyên và do NSNN bảo đảm chi thường xuyên;

- Từ cột 1 đến cột 16 ghi số người. Từ cột 18 đến cột 24 đánh dấu (x), đồng thời làm rõ trong báo cáo về việc dự kiến hợp nhất, sáp nhập, giải thể các đơn vị này.

- Từ cột 8 đến cột 17: số liệu của năm báo cáo; từ cột 1 đến cột 7: số liệu của năm trước liền kề (ví dụ từ cột 8 đến cột 17: năm 2018 thì từ cột 1 đến cột 7: năm 2017) ./.

Trước mắt báo cáo số liệu năm 2017 (từ cột 1 đến cột 7) và năm 2018 (từ cột 8 đến cột 17)

luc